

Bản án số: 1131/2024/HS-PT
Ngày: 05-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 654/2024/TLPT- HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Kim L; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Thị Kim L, sinh năm 1966 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi cư trú: A N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M (Đã chết); Con bà Trần Thị M1, sinh năm 1942; Chồng: Giang V, sinh năm 1954; có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 30/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Thành C (có mặt).

2. Ông Vũ Phi L1 (có mặt).

3. Ông Nguyễn T (có mặt).

4. Ông Nguyễn Thế T1 (vắng mặt).

Những người bào chữa là Luật sư - Công ty L7 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

- Bị hại:

1. Bà Lâm Thị Thu T2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 4 T, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Thị U – Văn phòng L8 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Dương Văn C1, sinh năm 1972; nơi cư trú: 6 L, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Giang V, sinh năm 1956; Địa chỉ: A N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Hoàng Huy L2, sinh năm 1972; Trú tại: 8 T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: A N, phường B, Quận A, Tp . (Tòa án không triệu tập).

4. Ông Trần Mạnh Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: E N, phường T, quận T, Tp . (Tòa án không triệu tập).

5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; Địa chỉ: E N, phường G, Tp ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

6. Bà Lương Thị Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: H L, phường T, Tp ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

7. Bà Đỗ Hồng L3, sinh năm 1976; Địa chỉ: số H C, phường H, Tp ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

8. Ông Lê Hồng K, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Kim L là giám đốc Công ty TNHH T4 chuyên kinh doanh yến sào. Do làm ăn thua lỗ và nợ tiền của nhiều người nên L đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của bà Lâm Thị Thu T2 (sinh năm 1974; Nơi cư trú: 4 T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) số tiền 30.000.0000.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt của ông Dương Văn C1 (sinh năm 1972; nơi cư trú: 6 L, phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) số tiền 3.000.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Lâm Thị Thu T2.

Trần Thị Kim L có quan hệ quen biết với bà Lâm Thu T2. Từ năm 2015 đến tháng 09/2019, L đã vay tiền của T2 nhiều lần. Tính đến cuối tháng 9 năm 2019, L còn nợ bà T2 18.600.000.000 đồng và đang thế chấp cho bà T2 09 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay. Trong 09 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất có 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Hồng L3 (sinh năm: 1976; trú tại: C chung cư L, đường C, phường I, thành phố V, tỉnh BR-VT) uỷ quyền cho L với mục đích nhờ làm thủ tục xin giấy phép san gạt mặt bằng để sản xuất nông nghiệp. Còn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Nguyễn Văn N1 và ông Lê Hồng K thế chấp cho L khoảng 10 năm nay. Do làm ăn thua lỗ nên L đã thế chấp toàn bộ tài sản của mình vào Ngân hàng và vay của nhiều người khác khoảng 100 tỷ đồng nhưng không có khả năng thanh toán. Để có tiền trả nợ cho người khác và tiêu dùng cá nhân, L đã đưa ra thông tin gian dối với bà T2 là cho vay 30.000.000.000 đồng trong vòng 03 ngày để L đáo hạn ngân hàng. Tin tưởng L nói thật nên ngày 30/9/2019, bà T2 đã nhờ ông Trần Mạnh Q chuyển cho L 15.000.000.000 đồng và bà Phạm Thị N chuyển 14.600.000.000 đồng vào tài khoản số 241892879 mang tên Trần Thị Kim L mở tại ngân hàng A chi nhánh B; số tiền còn lại 400.000.000 đồng bà T2 đưa bằng tiền mặt. Sau khi nhận được 30.000.000.000 đồng, L không sử dụng để đáo hạn ngân hàng như đã nói với bà T2 mà chuyển khoản 13.500.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T3 và rút tiền mặt 16.500.000.000 đồng trả cho bà Lương Thị Đ và tiêu xài cá nhân hết. Quá thời hạn 03 ngày, bà T2 đòi tiền thì L không trả nên bà T2 đã yêu cầu viết giấy vay tiền tính cả tiền vay trước và số tiền nói trên để vay đáo hạn ngân hàng. Ngày 20/10/2019, L đã viết giấy vay tiền với nội dung L vay của bà T2 50.000.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ trả, L tự ký tên mình và tên chồng là Giang V rồi đưa giấy vay tiền cho bà T2. Quá thời hạn 01 tháng, L không trả tiền nên bà T2 đến nhà L đòi tiền thì L lẩn tránh khỏi địa phương. Do đó, bà T2 đã làm đơn tố cáo L lừa đảo chiếm đoạt 30.000.000.000 đồng của bà. Sau khi triệu tập nhiều lần đến ngày 09/01/2020, Trần Thị Kim L đến Cơ quan điều tra làm việc và khai nhận: số tiền thực tế L vay của bà T2 là 48.600.000.000 đồng. Trong đó 18.600.000.000 đồng là vay mượn nhiều lần từ năm 2015 đến 2019 có thể chấp tài sản và trả lãi suất cao. Còn 30.000.000.000 đồng L nói dối vay là để đáo hạn ngân hàng trong 03 ngày sẽ trả nhưng thực chất L chiếm đoạt để trả nợ cho bà T3, bà Đ và tiêu dùng cá nhân hết rồi lẩn tránh nhằm không trả nợ. Việc viết giấy vay tiền 50.000.000.000 đồng là do bà T2 yêu cầu vì tính cả tiền lãi của khoản vay 18.600.000.000 đồng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác.

Sau khi L bị khởi tố, bắt tạm giam thì L làm đơn tố cáo bà T2 có hành vi cho vay nặng lãi với số tiền 18.600.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra đã chuyển đơn tố cáo của L đến Cơ quan điều tra thị xã P để điều tra theo thẩm quyền.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Dương Văn C1.

Ngày 04/11/2019, Trần Thị Kim L và chồng là ông Giang V ký chuyển nhượng thửa đất số 67, tờ bản đồ 19; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 có diện tích 17.689m², tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cùng lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC311843, thửa số 22, tờ bản đồ 19; diện tích 6264,4m² cho ông Hoàng Huy L2 (sinh năm 1972; nơi cư trú: phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) với giá 5.000.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C2, giữa ông L2 và bà

L, ông V đã lập biên bản giao tiền và giao đất có chữ ký xác nhận của hai bên. Khoảng vài ngày sau, L đến gặp ông L2 và hỏi mượn lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do là đi làm thủ tục nhận tiền đền bù vì trước khi bán đất cho ông L2 thì Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của bà L để làm đường. Ngày 08/11/2019, L nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trung tâm quỹ đất huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm thủ tục nhận tiền đền bù số tiền 57.592.000đ (năm mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng) đối với diện tích 197m² thuộc lô đất có giấy chứng nhận AC 630189 để làm đường giao thông.

Sau khi nhận tiền đền bù và làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, L không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông Hoàng Huy L2 làm thủ tục sang tên mà tiếp tục đưa thông tin gian dối là thửa đất số 67 tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 có diện tích 17.689m² tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn đang thuộc sở hữu của L và có người hỏi mua với giá 11 tỷ đồng. L đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 cho ông Dương Văn C1 và cam kết với ông C1 nếu không bán được đất để trả nợ thì sẽ chuyển nhượng lô đất cho ông C1. Ông C1 tin tưởng L nói thật nên đã cho L vay 3.000.000.000 đồng. Khi giao tiền hai bên thống nhất viết giấy vay tiền mới và cộng gộp số tiền L vay của ông C1 vay trước đó đề ngày 11/12/2019 với nội dung: ông C1 cho ông Giang V, bà L vay 7.500.000.000 đồng, thời gian vay 2 tháng, ông C1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189.

Do không thấy L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng L đã ký chuyển nhượng cho ông L2 nên ông L2 đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã kí giữa ông Giang V, bà Trần Thị Kim L; buộc bà Trần Thị Kim L, ông Giang V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 và BC 311483.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 02/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Giang V, bà Trần Thị Kim L và ông Hoàng Huy L2 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Buộc ông Giang V, bà Trần Thị Kim L có trách nhiệm giao cho ông Hoàng Huy L2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 và BC 311483. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 07/2021/DS-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Giang V và bà Trần Thị Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết quả giám định:

- Tại kết luận giám định số 488/PC09-Đ2, ngày 08/5/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: chữ ký mang tên Trần Thị Kim L trong giấy vay tiền đề ngày 20/10/2019 với bà Lâm Thị Thu T2 là do L ký, không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên ông Giang V có phải do ông V ký hay không.

- Tại kết luận giám định số 633/PC09-Đ2 ngày 15/9/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: chữ ký mang tên Trần Thị Kim L và Giang V trong giấy vay tiền đề ngày 11/12/2019 với ông Dương Văn C1 là do L và ông V ký.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lâm Thị Thu T2 yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 48.600.000.000 đồng cộng lãi suất ngân hàng từ thời điểm hai bên viết giấy nợ.

Ông Dương Văn C1 xin tự thỏa thuận với L về số tiền 7.500.000.000 đồng.

Đối với ông Giang V, mặc dù có ký vào giấy vay tiền của ông Dương Văn C1 nhưng ông V làm theo lời của L, không biết việc L có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của ông C1. Sau khi nhận tiền từ ông C1, ông V không được sử dụng. Do vậy không có căn cứ xem xét ông V với vai trò đồng phạm với L.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Kim L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Thị Kim L 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-11-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thị Kim L phải trả lại cho bà Lâm Thị Thu T2 số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*).

Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho ông Dương Văn C1 yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền đã chiếm đoạt nếu có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2023, bị cáo Trần Thị Kim L kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thừa nhận do bị cáo thiếu nợ nhiều người nên bị cáo đã nói cần tiền đáo hạn ngân hàng để vay tiền bị hại T2 nhưng sau đó bị cáo không đáo hạn mà dùng để trả nợ cho chủ nợ khác và kinh doanh yếm; Bị cáo vay có trả lãi cho Trà 360.000.000đ và bị cáo không có ý định lừa đảo bà T2 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Quyền sử dụng đất bị cáo thế chấp cho bị hại C1 vẫn thuộc quyền sử dụng của bị cáo và ông V vì khi chuyển nhượng cho ông Hoàng Huy L2 chỉ là giả tạo để ông L2 giữ tài sản cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: tháng 11/2019, ông Giang V và bị cáo L đã chuyển nhượng thửa đất số 67 tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 có diện tích 17.689m² tại xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu cho ông L2 tại phòng công chứng. Sau đó, L hỏi mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L2 để đi nhận tiền đền bù nhưng sau đó không trả lại cho L2. Ngày 11/12/2019, bị cáo L cùng Ông V đã đưa ra thông tin gian dối rằng quyền sử dụng đất này vẫn thuộc quyền sử dụng của mình và đưa cho ông C1 giữ để bị cáo cùng ông V vay của ông C1 7.500.000.000đ nhưng sau đó chiếm đoạt tiền của C1.

Theo Kết quả giám định số 633/PC09-DD2 ngày 15/9/2020 của Phòng K1 Công an B đã xác định: chữ ký trên giấy vay tiền đề ngày 11/12/2019 là chữ ký của bị cáo L và ông Giang V. Như vậy, thể hiện ông Giang V cùng L có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của ông C1, có dấu hiệu ông Giang V là đồng phạm của bị cáo L nên cần phải xem xét hành vi này của ông V.

Ngoài ra, ngày 18/2/2020, cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án. Ngày 30/7/2021, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh kê biên tài sản số 11/LKB đối với căn nhà số A N, phường T, thành phố V nhưng không thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: ngày 27/6/2020, ông V đã ký Giấy bán nhà cho bà D và giao Giấy tờ nhà cho bà D giữ. Tháng 4/2024 thì thỏa thuận hủy việc bán nhà nên có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Đối với số tiền bị cáo L chiếm đoạt của bị hại T2, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện bị cáo đã chiếm đoạt số tiền cụ thể, thời gian, địa điểm là có thật nên việc trả lãi chỉ là thủ đoạn phạm tội, trả lãi trước hay sau không phải là yếu tố kết tội bị cáo. Bị cáo L khai đã chuyển 13.500.000.000đ vào tài khoản của bà Nguyễn Thị T3, bà T3 chuyển cho bà L2 và bà L2 chuyển cho công ty T5 và công ty này đã dùng khoản tiền này để thanh khoản vay cho Ngân hàng nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ để có căn cứ thu hồi tang vật của vụ án, trả cho người bị hại là có thiếu sót.

Với những sai sót trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình, sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Luật sư Vũ Phi L1 trình bày bào chữa cho bị cáo: Trong số tiền 50 tỉ đồng bị hại T2 yêu cầu bị cáo L viết đã bao gồm cả 30 tỉ đồng mà bị cáo bị truy tố trong vụ án này nên giao dịch vay 30 tỉ đồng này là nằm trong chuỗi hành vi của T2 cho bị cáo L vay tiền với lãi xuất cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đối với hành vi của ông Giang V, Viện kiểm sát không thể kết luận tại phiên tòa ông V có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L; mối quan hệ giữa bị cáo và ông V là quan hệ vợ chồng nên khi được yêu cầu viết giấy thì ông V viết nhưng luật sư đồng ý với quan điểm của đại diện viện Kiểm sát là cần phải hủy án để điều tra làm rõ, không bỏ lọt tội phạm vì những thiếu sót của cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được theo điểm c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Luật sư Nguyễn Thành C trình bày: thống nhất với quan điểm của Luật sư Nguyễn Phi L4 đã trình bày. Tuy nhiên, luật sư bổ sung: khoản tiền 30 tỉ là khoản

vay có lãi và lãi được lấy trước được bà L5 ghi vào trong sổ nên khoản tiền này là vay có lãi; sau 30/9/2019, bị hại T2 còn cho L vay rất nhiều tiền nên T2 cho L vay là dựa trên niềm tin với nhau nên bị cáo L có nói là vay để đáo hạn thì vẫn không gọi là lừa đảo mà là giao dịch vay mượn bình thường, có trả lãi.

Luật sư Nguyễn T thống nhất quan điểm với Luật sư Vũ Phi L1 và Luật sư Nguyễn Thành C đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo là cụ thể, rõ ràng. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã phát biểu, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Bị hại Lâm Thị Thu T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang V không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình, xin lỗi bị hại, bị cáo không có ý định lừa bị hại, chồng bị cáo không liên quan gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

Trần Thị Kim L là giám đốc công ty TNHH T4 kinh doanh yếm sào. Trong quá trình kinh doanh, L bị thua lỗ nên đã thế chấp toàn bộ tài sản vào ngân hàng và vay nợ của nhiều người dẫn đến không còn khả năng thanh toán. Với mục đích chiếm đoạt tài sản để có tiền trả nợ cho các chủ nợ và tiêu xài cá nhân, L đã nói dối bà Lâm Thị Thu T2 hỏi vay 30.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng trong vòng 03 ngày sẽ trả lại cho bà T2. Tin tưởng L nói thật nên bà T2 đã nhờ ông Trần Mạnh Q và bà Phạm Thị N chuyển khoản cho L tổng cộng số tiền 29.600.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng bà T2 đưa tiền mặt cho L. Sau khi chiếm đoạt được 30.000.000.000 đồng của bà T2 thì L đã dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 11/12/2019, L đưa thông tin gian dối với ông Dương Văn C1 là mình có lô đất ở huyện Đ có diện tích 17.689m² đang có người hỏi mua với giá 11.000.000.000 đồng nhưng thực chất lô đất này vợ chồng L đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Huy L2 và đang làm thủ tục sang tên. Do tin tưởng là L nói thật nên ông C1 đã đồng ý cho L, V vay 3.000.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được 3.000.000.000 đồng của ông C1, L đã trả nợ hết rồi lần tránh bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo L và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: việc vay mượn tiền giữa bị cáo L và bà T2 là giao dịch dân sự do đã có quan hệ quen biết, làm ăn lâu năm; bị cáo nhiều lần mượn tiền bà T2 nên việc cho vay là dựa trên niềm tin với nhau; khoản vay 30 tỷ này, bị cáo L cũng trả lãi cao cho bà T2 nên bị cáo không có hành vi phạm tội lừa đảo đối với bị hại T2 là không phù hợp với quy định pháp luật;

bởi lẽ, lời khai của bị cáo đều thừa nhận: tại thời điểm hỏi vay số tiền 30 tỷ đồng của bị hại T2, bị cáo L đang nợ nhiều người khác số tiền rất lớn, không còn khả năng chi trả. Do vậy, bị cáo đưa ra thông tin cần tiền đáo hạn ngân hàng để T2 tin tưởng cho vay. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã chiếm đoạt trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân, tiếp tục nói dối bà T2 để trì hoãn việc trả tiền, viết giấy nhận nợ để che giấu việc chiếm đoạt tiền của bà T2, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.

Với các hành vi nêu trên bị cáo L đã bị Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án để điều tra bổ sung đối với hành vi của ông Giang V để không bỏ lọt tội phạm và cần đưa thêm các cá nhân, tổ chức đã được bị cáo L chuyển tiền do phạm tội mà có để có căn cứ thu hồi tang vật, trả cho bị hại và cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đối với tài sản kê biên trong vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1] Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 11/12/2019 (BL 222) thể hiện bị cáo L và ông Giang V có vay của ông Dương Văn C1 7.500.000.000 đồng, nội dung giấy vay tiền này còn thể hiện ông C1 giữ “sổ đỏ số AC 630189”.

Kết quả điều tra cho thấy: Ngày 04/11/2019, bị cáo Trần Thị Kim L và chồng là ông Giang V đã ký chuyển nhượng thửa đất số 67, tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 có diện tích 17.689m², tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Hoàng Huy L2 (sinh năm 1972; nơi cư trú: phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C2, giữa ông L2 và bị cáo L, ông V đã lập biên bản giao tiền và giao đất có chữ ký xác nhận của hai bên và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý G. Sau đó, bị cáo L mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhận tiền bồi thường nhưng không trả lại cho ông L2 và L, ông Giang V đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 630189 cho ông Dương Văn C1 để vay tiền ông C1. Như vậy, có căn cứ xác định ông Giang V đã biết đất đã chuyển nhượng cho ông L2 nhưng vẫn thế chấp cho bị hại C1 để vay tiền và sau đó ông Giang V và bị cáo L không trả tiền cho C1.

Căn cứ vào kết luận giám định số 633/PC09-Đ2 ngày 15/9/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: chữ ký mang tên Trần Thị Kim L và Giang V trong giấy vay tiền đề ngày 11/12/2019 là do L và ông V ký; và ông V là người trực tiếp viết giấy vay tiền với ông C1 nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá hành vi này của ông Giang V là chưa đánh giá hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có dấu hiệu để lọt tội phạm.

[2.2] Đối với số tiền bị cáo L chiếm đoạt của bị hại T2, bị cáo L khai đã chuyển 13.500.000.000 đồng vào tài khoản số 76010000164632, ngân hàng B1, chi nhánh B để trả nợ cho bà Nguyễn Thị T3. Căn cứ lời khai của bà T3 (BL 736) và kết quả điều tra thì bà T3 đã chuyển toàn bộ số tiền nhận được từ bị cáo L tới

tài khoản 76010000959777 tại ngân hàng B1 chi nhánh B cho bà Trịnh Thị L6 (sinh năm 1970, nơi cư trú C T, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Sau đó, bà L6 chuyển tới tài khoản 1605201015440 ngân hàng A1 cho Công ty TNHH MTV T5 và công ty này đã dùng khoản tiền này để thanh khoản vay tại Ngân hàng A1 chi nhánh 6 tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cấp sơ thẩm không đưa hết các cá nhân, tổ chức đã nhận số tiền trên vào tham gia tố tụng, cũng không xem xét, đánh giá hết các chứng cứ nêu trên là có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể bỏ sung.

[2.3] Ngày 30/7/2021, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh kê biên tài sản số 11/LKB đối với căn nhà số A N, phường T, thành phố V nhưng cấp sơ thẩm không thu giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để thụ lý, điều tra lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt của bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm mà các nội dung này sẽ được giải quyết lại khi vụ án được xét xử theo trình tự xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được đơn xin cứu xét của bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1963, địa chỉ tại A, L, phường A, Thành phố V đề nghị xem xét việc ông Giang V và bị cáo L nhờ bà bỏ tiền ra giải chấp căn nhà số A N, phường T, thành phố V và thỏa thuận giao nhà cho bà nhưng sau đó không giao nhà (căn nhà này hiện đang bị kê biên trong vụ án), xét thấy, các nội dung bà D nêu trong đơn chưa được cấp sơ thẩm xem xét, không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này của bà D.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại nên bị cáo Trần Thị Kim L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Khoản Điều 355, điểm a, b, c khoản 1 Điều 358 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L; hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Thị Kim L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Lê Văn An

Nguyễn Thị Cúc